

BỘ THƯƠNG MẠI
Số: 25/2006/QĐ-BTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế sử dụng chữ ký số của Bộ Thương mại

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 57/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về thương mại điện tử;

Căn cứ Quyết định số 94/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2006 - 2010;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thương mại điện tử,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế sử dụng chữ ký số của Bộ Thương mại.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Thương mại điện tử, Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ và cán bộ, công chức của Bộ Thương mại chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ CỦA BỘ THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BTM ngày 27/7/2006
của Bộ trưởng Bộ Thương mại)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc sử dụng chữ ký số, cấp phát thẻ MOT-CA và quản lý hệ thống chứng thực chữ ký số của Bộ Thương mại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các đối tượng sau:

1. Các đơn vị, cá nhân thuộc Bộ Thương mại.
2. Các Sở Thương mại, Sở Thương mại và Du lịch giao dịch trực tuyến với Bộ Thương mại thông qua các phần mềm do Bộ Thương mại cung cấp.
3. Các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thương mại.
4. Các tổ chức, cá nhân khác giao dịch trực tuyến với Bộ Thương mại và cam kết tuân thủ các quy định của Quy chế này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị, cá nhân thuộc Bộ Thương mại* là các Vụ, Cục, Ban, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, Văn phòng Ủy ban Quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế, các thương vụ Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức sự nghiệp thuộc Bộ, cán bộ và công chức thuộc các đơn vị đó.
2. *Doanh nghiệp* là các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thương mại.
3. *Người sử dụng* là các đối tượng nêu tại Điều 2 được Bộ Thương mại cấp thẻ MOT-CA và sử dụng chữ ký số theo tiêu chuẩn của Hệ thống MOT-CA.
4. *Hệ thống MOT-CA* bao gồm toàn bộ thiết bị công nghệ thông tin, thẻ và thiết bị đọc thẻ MOT-CA, phần mềm tin học, quy trình chứng thực chữ ký số và các yếu tố liên quan khác của Bộ Thương mại đảm bảo cho việc sử dụng chữ ký số tin cậy, an toàn.
5. *MOT* là trang tin điện tử của Bộ Thương mại trên Internet, có địa chỉ <http://www.mot.gov.vn>.
6. *eMOT* là mạng nội bộ ngành thương mại, có địa chỉ nội bộ <http://emot>.

7. *Dịch vụ công trực tuyến* là dịch vụ công do Bộ Thương mại cung cấp thông qua mạng Internet tới doanh nghiệp và công dân.

8. *Thông điệp dữ liệu* là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận hoặc được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.

9. *Văn bản* là tất cả các loại công văn, tài liệu thuộc các hình thức văn bản quy phạm pháp luật (Luật, Pháp lệnh, Lệnh, Nghị quyết, Nghị định, Quyết định, Chỉ thị, Thông tư), văn bản hành chính (Quyết định cá biệt, Chỉ thị cá biệt, thông cáo, thông báo, chương trình, kế hoạch, phương án, đề án, báo cáo, biên bản, tờ trình, hợp đồng, công văn, công điện, giấy chứng nhận, giấy uỷ nhiệm, giấy mời, giấy giới thiệu, giấy nghỉ phép, giấy đi đường, giấy biên nhận, hồ sơ, phiếu gửi, phiếu chuyển), văn bản chuyên ngành, văn bản của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, điều ước quốc tế, các tài liệu hoặc thông tin khác (giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá, giấy phép xuất khẩu, số liệu thống kê, v.v...) do các đơn vị, cá nhân thuộc Bộ Thương mại gửi tới nhau hoặc gửi tới hay nhận từ các đối tượng nêu tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều 2.

10. *Văn bản điện tử* là văn bản ở dạng thông điệp dữ liệu.

11. *Văn bản điện tử được ký bằng chữ ký số* là văn bản điện tử gắn kèm chữ ký số được tạo ra từ văn bản điện tử đó.

12. *Chữ ký số* là dữ liệu ở dạng điện tử nằm trong, được gắn kèm hoặc được kết hợp một cách hợp lý với một văn bản điện tử dựa trên công nghệ khoá riêng và khoá công khai nhằm xác định người ký văn bản điện tử đó và khẳng định sự chấp nhận thông tin chứa trong văn bản điện tử của người ký.

13. *Thẻ MOT-CA* là thẻ thông minh (smart card) chứa cặp khoá riêng (private key) và khoá công khai (public key), thông tin về chủ thẻ và một số thông tin khác hỗ trợ cho Hệ thống MOT-CA.

Điều 4. Giá trị pháp lý của chữ ký số

Văn bản điện tử được ký bằng chữ ký số có giá trị pháp lý tương đương văn bản giấy được ký và đóng dấu.

CHƯƠNG II